

Số: 1986/2021/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 09 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
C NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1169/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng Phương T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: 65/68/7/1 Đường A, Khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: 194/4 Đường A, Khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 01 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 01 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Hoàng Phương T và ông Nguyễn Thành C.

Quan hệ hôn nhân của bà T và ông C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyền số 2009, do Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức nay

là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/3/2009 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. C nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Về con chung: Hai bên thống nhất giao 02 con chung tên Nguyễn Hồng G, sinh ngày 15/02/2009 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 27/02/2012 cho bà T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2.2] Về quyền và nghĩa vụ: Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), bà Nguyễn Hoàng Phương T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0024084 của Chi cục thi hành án thành phố Thủ Đức lập ngày 15/10/2021. Hoàn lại cho bà T 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- TAND TPHCM;
- Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Anh Ngọc